

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH DI TÍCH

I. Tên gọi: Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu

II. Địa điểm phân bố di tích:

- Từ bến xe buýt Hội An đi theo đường Nguyễn Tất Thành hướng ra Đà Nẵng, đến ngã tư Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Chí Thanh rẽ phải theo đường Nguyễn Chí Thanh, đi thẳng khoảng gần 2km đến ngã ba chùa Vạn Đức, sau đó rẽ trái đi khoảng 50m là đến di tích. Đẻ vào trong di tích phải đi bộ hoặc xe máy vào con đường bê tông rộng 1,2m, dài khoảng 30m.

- Di tích hiện nằm trên địa bàn Tổ 15, thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An.

- Có thể đi đến di tích bằng nhiều con đường khác nhau và bằng các loại phương tiện giao thông đường bộ.

III. Sự kiện, nhân vật, lịch sử và thuộc tính của di tích:

Ngôi mộ là nơi an táng của chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu – một anh hùng dân tộc, một nhà yêu nước có tài đức vẹn toàn, một thủ lĩnh tài ba đã lãnh đạo Nghĩa Hội Quảng Nam chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược và bẻ gãy tay sai từ năm 1885 đến năm 1887 theo chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi.

Chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu sinh năm Đinh Mùi - 1847 tại ấp Bến Trễ, xã Thanh Hà, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn - Quảng Nam, nay là thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An - Quảng Nam.

Ông là con thứ 4 trong 10 người con của ông bà Nguyễn Viêt Thiện và Nguyễn Thị Châu. Cha ông Nguyễn Viêt Thiện vốn làm chức cai tổng có tiếng đức độ, khoan dung. Mẹ ông là một người phụ nữ siêng năng, chịu khó. Khi được sinh ra và lớn lên, Nguyễn Duy Hiệu sống trong cảnh ngộ gia đình dần sa sút sau khi thân phụ qua đời. Việc ăn học của ông vì thế mà trông cậy vào sự tận tảo của người mẹ.

Được sinh ra trong một gia đình có học, cộng với tư chất thông minh nổi tiếng từ nhỏ, Nguyễn Duy Hiệu luôn chí thú học hành. Vì thế ông học rất giỏi, luôn được thầy yêu, bạn quý. Ban đầu, ông theo học thầy Lê Tấn Toán, sau học thầy Nguyễn Đình Tự. Được trui rèn trong các “lò học” qua sự điều dắt của các thầy có tài cao đức rộng càng phát lộ tài năng bẩm sinh trong con người ông. Năm 1861, ông thi Hương và được xướng danh đệ nhất tú tài khi mới 14 tuổi. Năm 29 tuổi (năm 1876), ông thi đỗ cử nhân. Ba năm sau ông thi Hội đậu Phó bảng. Đường công danh rộng mở. Thế nhưng không như nhiều nho sinh khác cùng thời theo đuổi sự học là để đỗ đạt và ra làm quan, đường công danh ấy với ông lại chẳng hấp dẫn gì khi mà đất nước đang lâm vào cảnh xâm lược của thực

dân Pháp còn triều đình thì quá yếu đuối để mặc cho kẻ thù ngang nhiên chiếm đất, cướp bóc dân lành. Vì thế sau khi đậu Phó bảng, ông nấn ná ở quê nhà dạy học, không ra làm quan. Mãi đến năm 1882, vua Tự Đức có chỉ dụ triệu tập ông về Huế thăng bổ làm chức Giảng tập dạy hoàng tử Ưng Đăng (sau này lên ngôi vua lấy hiệu là Kiến Phúc) với hàm tứ phẩm Hồng Lô Tự Khanh (còn gọi là Hường Lô Tự Khanh nên người dân địa phương hay gọi ông là ông Hường Hiệ, ông Hường Thanh Hà).

Thực dân Pháp tỏ rõ quyết tâm đánh chiếm nước ta, trong khi triều đình ngày càng bất lực, không có phương kế chống trả. Trong nội bộ triều đình, tình trạng tranh quyền đoạt lợi diễn ra mạnh mẽ làm chia rẽ nội bộ. Sự yếu đuối, mục nát của triều đình bấy giờ tiên liệu hiểm họa đang đến dần với đất nước. Căm phẫn trước sự tàn bạo của bọn thực dân, sự thối nát của triều đình, ông lấy cớ về phụng dưỡng mẹ già đã rũ áo từ quan sau hơn 1 năm ở kinh thành.

Năm 1885, sau cuộc phản công thất bại của phe chủ chiến ở kinh thành Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn vào vùng Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu cả nước hợp sức cùng vua đánh giặc. Hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, tháng 9 năm 1885, Nghĩa hội Quảng Nam được thành lập. Lúc này nghĩa hội do Trần Văn Dư làm hội chủ. Nguyễn Duy Hiệ cùng các văn thân, sĩ phu ở Quảng Nam như Phan Bá Phiến, Tiểu La Nguyễn Thành,... cũng được tập hợp tham gia Nghĩa hội để tổ chức công cuộc Cần Vương chống Pháp tại Quảng Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Trần Văn Dư, hoạt động của Nghĩa hội Quảng Nam đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt là việc đánh chiếm tỉnh thành La Qua vào đầu tháng 9/1885. Trong các hoạt động của Nghĩa hội thời gian này, Nguyễn Duy Hiệ là người trong thành phần lãnh đạo có nhiều đóng góp cho phong trào phát triển.

Tháng 12 năm 1885, Trần Văn Dư thọ nạn. Nguyễn Duy Hiệ được cử làm Hội trưởng lãnh đạo Nghĩa hội chiến đấu. Từ năm 1885 đến khi Nghĩa hội tan rã vào năm 1887, Nguyễn Duy Hiệ đã xây dựng tổ chức Nghĩa hội ngày càng vững mạnh, qua đó đưa phong trào Cần Vương kháng Pháp ngày càng sôi nổi trên toàn tỉnh.

Đầu năm 1886, Nguyễn Duy Hiệ cho xây dựng Tân tỉnh Trung Lộc (ở Quế Sơn) vững mạnh để đặt tổng hành dinh của Nghĩa Hội. Việc lựa chọn Trung Lộc để xây dựng trung tâm lãnh đạo phong trào cần Vương thể hiện tài trí thao lược về quân sự, chính trị của Nguyễn Duy Hiệ. Vùng đất này là nơi bên cạnh có núi non hiểm trở còn là vùng đất màu mỡ nên rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ cho cuộc kháng chiến lâu dài. Ngoài ra, Nguyễn Duy Hiệ còn cho rước 150 bài vị từ văn miếu tỉnh lên đây thờ. Việc làm này thể hiện tài tập hợp nhân tâm của ông bởi qua đó sẽ thu nạp thêm nhiều văn thân sĩ phu trong tỉnh về tụ nghĩa kháng chiến cùng Nghĩa hội. *“Tại tỉnh mới tân tỉnh Trung lộc này, ... Nguyễn Duy Hiệ có tổ chức đủ sáu bộ, ... như một triều đình thu gọn”*⁽¹⁾. Cũng tại đây, Nguyễn Duy Hiệ với vai trò thủ lĩnh tối cao *“đã nhân danh vua Hàm Nghi phong chức cho những người có công lao với Nghĩa hội và đưa ra những*

bản án đối với kẻ có tội” ⁽²⁾. Baille, viên công sứ Pháp ở Huế lúc bấy giờ nhận xét: *“Hiệu là một tay khuấy động lớn ở Quảng Nam, kẻ đã tự xưng là vua thứ hai”* ⁽³⁾. Việc thành lập chính quyền Tân tinh Trung Lộc đã thống nhất phong trào Cần Vương và được đông đảo nhân dân trong toàn tỉnh ủng hộ. Những mệnh lệnh của Nghĩa hội phát ra nghiêm cấm nhân dân đi lính, làm tay sai cho giặc hay đồng bào trong vùng địch kiểm soát di dời lên vùng kháng chiến, đập phá nhà cửa không cho địch sử dụng làm nơi đóng quân, ... được nhân dân tuân thủ nghiêm. Theo nhận xét của Baille thì: *“Y (tức Nguyễn Duy Hiệu) đã biến phong trào phiến loạn ở Quảng Nam thành một cuộc vận động quốc gia. Đường như chính y đã thức tỉnh tinh thần yêu nước từ những khối óc kém rèn đúc, đến lúc này, mới được thu nhận tinh thần ấy. Y đã thổi bùng, kích thích và xúi giục chiến tranh nhờ một trình tự tuy không mới mẻ gì, nhưng ít ra cũng nặng nề khó cởi bỏ ở xứ này: oán thù ngoại nhân, oán thù người Pháp”* ⁽⁴⁾.

Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Duy Hiệu, phong trào Cần Vương ở Quảng Nam đã có sự phát triển mạnh. Lúc bấy giờ, Nghĩa hội gần như làm chủ toàn tỉnh, ngoại trừ tỉnh thành La Qua, Đà Nẵng, các đồn bót ở các huyện lỵ do địch chiếm đóng. Với tài năng và tầm nhìn quân sự, Nguyễn Duy Hiệu đã tổ chức phong trào đấu tranh du kích và tiêu thổ kháng chiến một cách hiệu quả, vừa mở rộng địa bàn chiếm đóng và tạo thanh thế cho Nghĩa hội, vừa gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Các trận tấn công vào tỉnh thành La Qua, Đà Nẵng, ... vào đầu năm 1886 khiến địch phải hoang mang, lo sợ. Nổi bật trong các chiến công của Nghĩa hội là trận tập kích ở Bãi Chài, Nam Chơn. Trong đó trận tấn công vào trạm Nam Chơn, Nghĩa quân đã tiêu diệt toàn bộ 7 tên trong đoàn công tác cầu đường do tên đại úy Besson chỉ huy và 1 tên thông ngôn, đốt cháy toàn bộ trạm này.

Bên cạnh chỉ huy phong trào Cần Vương ở Quảng Nam, tầm ảnh hưởng của Nguyễn Duy Hiệu còn lan rộng ra cả các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định. Để liên kết phong trào ở 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Nguyễn Duy Hiệu đã chủ trương sử dụng lực lượng Cần Vương ở Quảng Nam đánh vào phối hợp với lực lượng Cần Vương ở Bình Định đánh ra tấn công vào quân triều đình ở Bình Sơn (Quảng Ngãi). *“Nghĩa hội ba tỉnh ông với tôi thật chủ trương”* ⁽⁵⁾ là lời của Nguyễn Duy Hiệu với Phan Bá Phiến khi tình thế Nghĩa hội dần suy kiệt cũng phần nào thể hiện vai trò của Nguyễn Duy Hiệu đối với phong trào Cần Vương ở 3 tỉnh này.

Ngoài ra, cùng với hai lãnh tụ Cần Vương cấp cao của vua Hàm Nghi ở phía Bắc là Phan Đình Phùng và Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Duy Hiệu với Nghĩa Hội Quảng Nam ở phía Nam kinh thành Huế là lực lượng quan trọng của vua Hàm Nghi tổ chức phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp trong cả nước. Trong khi phong trào Cần Vương ở phía Bắc nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của vua Hàm Nghi thì phong trào ở phía Nam kinh thành Huế không có được điều kiện thuận lợi đó. Tuy nhiên, Nguyễn Duy Hiệu với vai trò thủ lĩnh đã tổ chức và lãnh đạo Nghĩa hội Quảng Nam hoạt động mạnh mẽ, tạo nên phong trào đấu tranh yêu nước rộng lớn và kéo dài suốt từ năm 1885 đến năm 1887.

Năm 1887, dưới sự đánh phá quyết liệt của thực dân Pháp và triều đình, thế lực của Nghĩa Hội yếu dần. Để bảo vệ những người tham gia Nghĩa hội, Nguyễn Duy Hiệu lệnh cho cấp dưới tiêu hủy toàn bộ sổ sách liên quan rồi cho giải tán hội. Về lại làng Thanh Hà, sau khi viếng thăm mẹ, Nguyễn Duy Hiệu ra ngôi miếu Ông ở trảng cát Thanh Hà và cho người gọi giặc đến bắt.

Với một lãnh tụ quan trọng như Nguyễn Duy Hiệu, thực dân và tay sai không làm án để xử ông ngay tại địa phương mà đưa về kinh thành tra xét, kết tội. Trước sự kháo cung của chính quyền tay sai, ông vẫn khẳng khái nhận hoàn toàn trách nhiệm về mình: “*Nghĩa hội Quảng Nam ở ba tỉnh, không dưới vài trăm, đều là người có tên tuổi, nhưng cam tâm làm giặc duy chỉ có một mình Hiệu mà thôi. Kỳ dư đều bị ép theo. Họ sợ bị thiêu hủy nhà cửa, không dám không theo, ngoài ra không có bụng gì khác. Vậy chém một mình Hiệu cũng đủ, chớ nhọc lòng hỏi tội kẻ khác làm gì*”⁽⁶⁾. Biết không thể khuất phục được ông, giặc đã đưa ông ra pháp trường An Hòa (Huế) hành quyết vào ngày 01/10/1887 (nhằm ngày rằm tháng Tám năm Đinh Hợi - 1887). Trên đường ra pháp trường, ông vẫn ung dung trong tư thái của một vị anh hùng và làm 2 bài thơ tuyệt mệnh để lại đến ngày nay.

Sau khi hành quyết, giặc đem thủ cấp ông về Quảng Nam bêu lên thị uy trước dân chúng dọc đường. Ngày 20 tháng 8 năm Đinh Hợi - 1887, con cháu ông mang thủ cấp ông về an táng ở quê nhà tại vị trí ngôi mộ hiện nay. Năm 1967, mộ ông được xây cất khang trang hơn, có nhà bia, bình phong và bờ thành bao quanh. Năm 1998, các cấp chính quyền, nhân dân Hội An và con cháu ông đại tu ngôi mộ trở nên bề thế như hiện nay.

Ngoài ngôi mộ, hiện con cháu còn thờ ông tại từ đường Nguyễn Duy tại tổ 14, thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An. Bên cạnh đó, để thể hiện tinh thần “*uống nước nhớ nguồn*” và để hình ảnh ông sống mãi với thế hệ mai sau, nhân kỉ niệm 20 năm ngày giải phóng Hội An (1975 - 1995), chính quyền Thành phố đã đầu tư xây dựng khu tưởng niệm ông trên diện tích gần 1 hecta ngay trong nội thành. Bên trong khu tưởng niệm bố trí nhiều chi tiết kiến trúc, cây xanh, đặc biệt là tấm bia lưu niệm và tượng đài cao 4,5m khắc họa chân dung nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Duy Hiệu. Tất cả các hạng mục đều toát lên nhân cách cao đẹp cũng như gợi tưởng về những chặng đường hoạt động của ông trước đây.

IV. Loại hình di tích: Di tích Lịch sử.

V. Khảo tả di tích:

Ngôi mộ hiện nằm trên địa bàn tổ 15, thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, cách sông Bến Trễ (sông Cổ Cò) khoảng 200m về hướng Bắc.

Ngôi mộ có mặt tiền quay về hướng Bắc, toàn bộ khuôn viên có diện tích khoảng 459m². Bao bọc xung quanh các hạng mục của ngôi mộ là bờ thành xây cao 1,4m, giữa tường thành gắn các khuôn bông bằng sứ tráng men màu vàng

đất. Dọc theo tường thành cứ 2,4m bố trí một trụ vuông, xây cao hơn mặt trên tường thành 0,6m, phía trên gắn búp sen bằng xi măng quét vôi màu hồng.

Nhìn từ hướng Bắc, phân bố không gian kiến trúc bên trong ngôi mộ chia thành 4 hạng mục xây dựng chính, từ gần đến xa lần lượt là: cổng vào, nhà bia, nấm mộ và bình phong hậu.

Cổng vào được xây dựng quy mô. Ở giữa là bình phong, 2 bên có 2 lối đi rộng 1,5m. Đối xứng 2 bên bình phong và lối đi là 2 cặp trụ biểu xây cao. Giữa 2 trụ biểu mỗi bên là bức tường xây thấp.

Bình phong làm theo kiểu cuốn vòm, có mái che. Mái bình phong đổ bê tông, tạo thành 4 mái xung quanh, phía trên gắn ngói lưu ly màu xanh, có đắp bờ chảy và bờ nóc. Chính giữa bờ nóc và cuối mỗi bờ chảy trang trí các hình thức hoa dây cách điệu. Chính giữa bình phong đắp trống một vòng tròn có đường kính 1,2m mô phỏng hình mặt trăng gợi nhớ đến ngày rằm tháng Tám năm 1887 khi Nguyễn Duy Hiệu bị đưa ra pháp trường An Hòa (Huế) hành quyết. Mặt ngoài bình phong phía trên vòng tròn đắp nổi cần sành (màu trắng, xanh) dòng chữ Hán: 阮惟志士墓 (Phiên âm: *Nguyễn Duy Hiệu chí sĩ mộ*, Dịch nghĩa: *mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu*). Xung quanh bình phong đắp nổi các góc hoa văn đường viền truyền thống ở Hội An. Hai bên bình phong xây 2 bức tường thấp, trên mỗi bức tường có 2 mái che gắn ngói lưu ly màu xanh. Cuối các bức tường này mỗi bên xây giạt cấp thành 2 trụ biểu đối xứng với bình phong, trên đầu trụ gắn búp sen.

Đối xứng với bình phong và 2 lối đi là hai cặp trụ biểu xây vươn cao. Trong đó cặp trụ bên trong cao hơn, trên mỗi trụ này gắn hình con lân. Cặp trụ ngoài gắn hình búp sen. Trên mỗi cặp trụ biểu đắp nổi gắn sành (cặp trụ ngoài màu xanh lá cây, cặp trụ trong màu tím) 2 câu cuối trong hai bài thơ tuyệt mệnh của Nguyễn Duy Hiệu trước lúc ông bị hành quyết. Nội dung các câu thơ:

Cặp trụ ngoài: 寄語浮沉斯世者 / 休將成敗論英雄
(Phiên âm: *Ký ngữ phù trầm tư thế giả / Hưu tương thành bại luận anh hùng*. Dịch nghĩa: *Lời này phó thác cho đời dâu bể / Sau cuộc thành bại [mới] luận anh hùng*).

Cặp trụ trong: 好把丹心朝列聖 / 中秋明月伴歸
(Phiên âm: *Hảo bả đan tâm triều liệt thánh / Trung thu minh nguyệt bạn ngô quy*. Dịch nghĩa: *Tác lòng gửi đi cùng liệt thánh / Trung thu trăng sáng bạn tới chơi*).

Ở mỗi bên, giữa trụ ngoài và trụ trong xây bức tường thấp. Hai mặt bức tường này tạo thành 2 ô hộc có kích thước 1,35 x 0,8m, trong các ô hộc này đắp nổi các đồ án trang trí sinh động. Nhìn từ mặt tiền ngôi mộ, bức tường bên phải: ở mặt ngoài là đề tài *Ngư Long hí thủy*, mặt trong đề tài *Mai Hạc*. Tường bên trái mặt ngoài là đề tài *Long Mã phụ hà đồ*, mặt trong đề tài *Liên Ngư*.

Bước qua cổng vào là đến khoảng sân. Sân được lát gạch nung đỏ có kích thước 29 x 29 x 0,17cm. Hai góc trước sân trồng 2 cây sứ trắng lớn.

Từ nền sân lên 5 bậc cấp, mỗi bậc cao 0,14m là đến nền trước nhà bia - là nơi để hành lễ. Nền nhà bia cao hơn nền này 0,45m. Trên nền nhà bia đặt nôi hương và bia đá.

Nhà bia xây theo kiểu công tam quan. Mái nhà bia có 2 tầng theo kiểu cổ lầu. Mỗi tầng có 4 mái xung quanh, lợp ngói lưu ly màu xanh, các bờ chảy đắp vồng, cuối bờ chảy gắn con giống bằng xi măng hình hoa dây cách điệu. Bờ nóc có kiểu dáng hình thuyền, ở giữa gắn hình mặt trời, hai đầu bờ nóc gắn hình hai con rồng đều được cấn sành theo đề tài *lưỡng Long châu nhật*. Bốn mặt xung quanh nhà bia xây cuốn vòm, hai mặt đối diện (Bắc - Nam và Đông - Tây) có kích thước bằng nhau, trong đó hai mặt Bắc, Nam rộng hơn (kích thước hai mặt Bắc, Nam là: 1,4 x 2,44m, kích thước hai mặt Đông, Tây là: 0,8 x 2,44m). Chính giữa nhà bia đặt tấm bia mộ trên để hai tầng, mặt bằng hai đến hình chữ nhật. Để tầng dưới xây gạch, có kích thước 0,46 x 1,35 x 1,5m (cao x rộng x dài), vành trên miệng để đắp các đường viền xi măng trang trí, 4 góc đắp nổi xi măng tạo chân đế giả (theo kiểu chân quỳ). Để tầng trên có kích thước 0,22 x 0,63 x 0,88m (cao x rộng x dài), xung quanh đắp nổi cánh sen (2 tầng).

Bia làm bằng cẩm thạch trắng, có kích thước: cao 1,06m, dày 0,16m, thân bia rộng 0,5m, trán bia rộng 0,68m. Trên trán bia chạm hình *lưỡng Long châu nhật*. Vành thân bia chạm hình cúc dây. Bia khắc 1 mặt, chữ Hán, sơn màu đỏ. Nguyên văn nội dung bia: 保大十三戊寅冬 / 顯考前鴻臚寺卿副榜字教之諡端謹阮大人之佳城 / 第五男阮 / 女氏秀氏副 / 內孫 / 奉誌 (Phiên âm: *Bảo Đại thập tam, Mậu Dần đông / Hiển khảo tiền Hồng Lô Tự Khanh, Phó bảng, tự Giáo Chi, thụy Đoan Cẩn, Nguyễn Đại nhân chi giai thành / Đế ngũ nam Nguyễn / Nữ: Thị Tú, Thị Phó / Nội Tôn... / Phụng chí*. Dịch nghĩa: *Mùa Đông, Bảo Đại năm thứ 13 / Mộ cha: trước đây là Phó bảng, hàm Hồng Lô Tự Khanh, tự Giáo Chi, thụy Đoan Cẩn Nguyễn đại nhân / Con trai thứ 5 / Con gái Thị Tú, Thị Phó / Cháu nội / Phụng ghi*).

Nôi hương án đặt trước bia đá, được đúc bằng xi măng có kích thước 0,77 x 0,55 x 0,75m (cao x rộng x dài). Bốn chân nôi hương làm theo kiểu chân quỳ, gắn đầu rồng. Các mặt nôi hương đắp nổi hình rồng, quả Phật thủ, quả Đào, vành miệng đắp nổi hình hoa dây cách điệu.

Nền ở hai bên lối vào cửa công tam quan cao 3 bậc cấp so với nền sân, mỗi bậc cao 0,14m. Hai lối đi xây hình mái vòm có kích thước 0,70 x 2,3m, phía trên lợp ngói lưu ly màu xanh. Hai bên công tam quan xây giạt cấp thành 2 trụ biểu, trên đầu trụ gắn búp sen. Giữa trụ biểu, lối vào và nhà bia xây 4 bức tường thấp, các bức tường này cũng có mái che lợp ngói lưu ly màu xanh. Mặt ngoài các bức tường tạo thành ô hộc có kích thước 0,52 x 0,71m. Trong các ô hộc này đắp nổi các loại quả. Hai ô hộc ở ngoài (hai bên) là Phật thủ, hai ô hộc ở nhà bia là quả Lựu (bên phải ngoài nhìn vào) và quả Đào (bên trái ngoài nhìn vào).

Từ lối vào qua 2 bậc cấp, mỗi bậc cao 0,14m là vào trong khuôn viên năm mộ. Năm mộ cách nhà bia 1,2m, làm theo hình bát giác, bao quanh giạt cao thành 3 cấp, mỗi cấp cao 0,2m, rộng 0,15m, lát đá (loại cẩm thạch). Tính từ cạnh gần bia nhất theo chiều kim đồng hồ, các cạnh có kích thước lần lượt là: 2,3m,

1,2m, 2,3m, 1,2m, 2,3m, 1,2m, 2,3m, 1,2m. Bao quanh năm mộ có lối đi lát đá (loại cẩm thạch) rộng 1,2m. Trên năm mộ trồng cỏ tự nhiên. Ngoài năm mộ và lối đi, khuôn viên bên trong được trồng cỏ, 4 góc trồng 4 cây xanh lớn; trong đó 2 góc trước trồng cây Bằng lăng, 2 góc sau trồng cây Sứ trắng.

Toàn bộ bậc cấp, nền ở lối vào cổng tam quan, nền trước nhà bia, nền nhà bia, lối đi bao quanh và thành năm mộ được lát đá (loại cẩm thạch) có kích thước 30 x 30 x 0,2cm.

Trên tường rào phía Nam xây bức bình phong, có kích thước 1,6 x 5,45m (cao x dài). Bình phong có dạng hình cuốn thư. Chính giữa bình phong đắp nổi chữ Thọ cách điệu và một số đồ án trang trí như: Trúc Điếu, Tùng Lộc, con Dơi và các đồ vật trong Bát bửu (như cây Bút, thanh Kiếm).

VI. Hiện vật trong di tích:

Hiện di tích có 01 tấm bia mộ bằng đá cẩm thạch đề lập năm Bảo Đại thập tam.

VII. Giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, văn hóa:

Di tích là nơi an nghỉ của chí sĩ yêu nước Nguyễn Duy Hiệu, người con quê hương Hội An, vị thủ lĩnh phong trào Nghĩa hội Quảng Nam chống sự xâm lược của thực dân Pháp vào nửa cuối thế kỷ XIX. Qua đây thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn và ý chí quật cường của người dân Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương.

Di tích khơi dậy niềm tự hào, đồng thời giáo dục truyền thống yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Ngoài ra, di tích là nguồn tư liệu quý về kiến trúc, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật để các nhà khoa học tìm hiểu, nghiên cứu nhằm làm rõ hơn giá trị của di sản văn hóa ở Hội An nói riêng, ở Quảng Nam nói chung.

Di tích là một trong những công trình có giá trị cao về mặt kiến trúc nghệ thuật. Các hạng mục công trình, chi tiết trang trí, màu sắc được kết hợp hài hòa tạo cho toàn bộ công trình như một tác phẩm nghệ thuật độc đáo, mang đậm nét kiến trúc truyền thống ở Hội An. Đặc biệt, trong từng hạng mục công trình thể hiện được nhân cách cao đẹp cũng như gợi tưởng về những chặng đường hoạt động của chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu trước đây. Có thể nói ngôi mộ là công trình tiêu biểu cho loại hình di tích mộ táng ở Hội An hiện nay.

VIII. Trạng thái bảo quản và phát huy di tích:

Di tích hiện đã được UBND xã Cẩm Hà ra quyết định giao cho bà Võ Thị Thu Hòa, cũng là con cháu của tộc Nguyễn Duy quản lý. Ngoài ra, các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn và Hội đồng gia tộc của ông thường xuyên quan tâm quản lý di tích.

Xung quanh di tích đã xây dựng tường rào bảo vệ. Trong khuôn viên trồng một số loại cây xanh như sứ trắng, bằng lăng,.. để tạo cảnh quan cho di tích.

Vào các ngày rằm, mùng một và các ngày lễ lớn của đất nước, con cháu tộc họ Nguyễn Duy và nhân dân địa phương có di tích thường xuyên đến thắp hương, viếng mộ. Đặc biệt vào ngày rằm tháng Tám hàng năm, UBND thành phố Hội An giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa tổ chức lễ tưởng niệm ngày mất của ông. Lễ tưởng niệm được tổ chức long trọng tại khu tượng đài với sự tham gia của lãnh đạo UBND Thành phố, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa, Lãnh đạo UBND và đoàn thanh niên xã Cẩm Hà, giáo viên và học sinh trường Nguyễn Duy Hiệu. Sau buổi lễ, đoàn đại biểu tham dự đến dâng hương ở mộ ông và từ đường Nguyễn Duy.

IX. Các phương án bảo vệ di tích:

Di tích cần được xếp hạng để có điều kiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị tốt hơn trong thời gian đến (cấp Tỉnh, Quốc gia). Đồng thời cần thiết tiến hành khoanh vùng bảo vệ di tích và cảnh quan xung quanh.

Cần đưa di tích vào tuyến tham quan nhằm giới thiệu đến du khách và nhân dân Hội An biết, hiểu về giá trị của di tích, nhất là tăng cường công tác giáo dục thế hệ trẻ Hội An về thân thế, sự nghiệp của chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu.

Nâng quy mô tổ chức của lễ giỗ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu hàng năm, xem đây một trong những hoạt động lễ hội truyền thống ở Hội An.

X. Cơ sở pháp lý bảo vệ di tích:

Di tích đã được đưa vào danh mục di tích – danh thắng bảo vệ theo Quyết định số 1353/QĐ-UB ngày 15/8/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Di tích nằm trong danh mục *Di tích – Danh thắng Hội An* năm 2000.

Di tích nằm trong Quyết định hỗ trợ kinh phí bảo vệ các di tích trên địa bàn thành phố Hội An theo Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 02/7/2010.

Di tích được UBND xã Cẩm Hà ra Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 18/10/2011 về việc giao người quản lý, bảo vệ di tích.

Di tích đã được UBND xã Cẩm Hà trích lục bản đồ đất năm 2012.

XI. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Duy Hiệu (1847 – 1887), Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An, NXB Đà Nẵng, 1997.

- Nguyễn Duy Hiệu và Nghĩa hội Quảng Nam (1885 – 1887), NXB Đà Nẵng, 1985.

- Trần Văn Dư với Nghĩa hội Quảng Nam, Sở Văn hóa – Thông tin Quảng Nam, Tam kỳ, 2000.

- Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng (1930 - 1975), Tỉnh ủy Quảng Nam – Thành ủy Đà Nẵng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

- Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An (1930 – 1975), Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Hội An, 1996.

- Diễn văn lễ khánh thành tượng đài Nguyễn Duy Hiệu, 1995.
- Văn bia đài tưởng niệm chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu ở Hội An.
- Chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu, Tống Quốc Hưng, hoianheritage.net.

*** Ghi chú:**

(1),(2), (3), (4), (5), (6) : Nguyễn Duy Hiệu (1847 – 1887), BCH Đảng bộ thị xã Hội An, NXB Đà Nẵng, 1997, trang 30, 32, 64, 84, 91.

Các bản dịch Hán Nôm của Ngô Đức Chí – Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Hội An, ngày 19 tháng 11 năm 2013

Người lập

(Đã ký)

Nguyễn Cường

UBND XÃ CẨM HÀ

**TRUNG TÂM QLBTDS VĂN HÓA
HỘI AN**